

MIÊN HOA

VĂN TẬP

THÁNG SÁU ĐINH - DẬU

NĂM THỨ BA SỐ

6

AN TRUYỀN - BÁ PHẬT - PHÁP CỦA GIÁO - HỘI TĂNG - GIÀ TRUNG - PHẢ

HIỂU VÀ HÀNH CHÁNH-PHÁP

2.500 năm trước đây, đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni đã chứng quả Chánh-Giác tìm được con đường giải-thoát ra khỏi biển khổ sanh tử, và truyền bá phương pháp giải-thoát này cho mọi loài chúng-sanh đồng hưởng lợi ích.

Với sự phát triển của nhận thức khoa-học và phong-trào duy lý, những tôn-giáo dựa trên cuồng tín, giáo điều và thần thoại bị mất dần ảnh hưởng với những hạng trí thức. Trái lại, với thời gian và sự khuyếch trương của nhận thức, đạo Phật được đưa ra trước ánh sáng, được mọi người chú ý nghiên cứu, vì thái độ xuất chúng đặc biệt của đạo Phật, là một thái độ duy-lý. Ở đây, cuồng tín bị bỏ rơi, và thay thế vào với chánh tín dựa trên trí-huệ. Sánh với các vị giáo-chủ các tôn-giáo, đức Phật là vị giáo-chủ độc nhất đã phản đối mọi hình thức cuồng tín, Ngài khuyên dạy các vị đệ-tử của mình đừng nhắm mắt tin tưởng những gì Ngài dạy. Cuộc thuyết pháp của đức Phật cho các hoàng-tử Kalama nêu rõ một đặc điểm tuyên luận của đạo Phật :

— « Này các Hoàng-tử Kalama ! đừng công nhận những gì chỉ vì do truyền thuyết. Đừng công nhận những gì vì được người ta truyền đồn. Đừng công nhận những gì vì xứng hợp với kinh điển của người. Đừng công nhận những gì chỉ vì do suy đạt đưa đến. Đừng công nhận những gì chỉ vì những điều ấy hấp dẫn người. Đừng công nhận những gì chỉ vì xứng hợp với những tư tưởng thành kiến của mình. Đừng công nhận những gì chỉ vì do một người có địa vị quan trọng tuyên bố. Đừng công nhận những gì chỉ vì do một người được mọi người cung kính tuyên bố. Này các Hoàng-tử Kalama ! chỉ khi nào các người tự thấy rằng : những việc này là bất thiện, những việc này là đáng chỉ trích, những việc này bị các nhà đạo đức khiển trách, những việc này, nếu chấp nhận và thực hành sẽ đưa đến suy vong và đau khổ. Chỉ khi ấy, các người mới nên ruộng bỏ chúng. Này các Hoàng-tử Kalama, chỉ khi nào các người tự thấy rằng, những việc này là thiện, những việc này không bị chỉ trích, những việc này được các nhà đạo đức tán thán, những việc này nếu chấp nhận và thi hành sẽ đưa đến thành công và hạnh phúc, chỉ khi ấy, các người mới sống và hành động đúng theo ». Như vậy đối với đạo Phật, trí óc và lý đoán của chúng ta chính là những người chỉ đường độc nhất cho chúng ta vậy.

Chúng ta thường thấy rằng : cuồng tín hay đưa đến đảng phái hẹp hòi, xung đột và chiến tranh. Lịch sử tôn giáo nêu rõ ràng, dưới danh từ tôn giáo, các cuộc đổ máu đã xảy ra nhiều hơn là do vì danh nghĩa khác. Muốn ngăn trừ những hẹp hòi đảng phái như vậy, đức Phật đã cẩn thận đề phòng các đệ-tử của Ngài, đừng chấp chặt theo một quan niệm nào, trái lại phải độ lượng khoan hồng. Một thời đức Phật cùng đi với một số chúng đệ-tử giữa đường Rajagaha (Vương Xá-thành) và Nalanda. Một tu-sĩ ngoại đạo cũng đi trên con đường ấy, đi sau lưng chúng đệ-tử Phật. Vị tu-sĩ ấy luôn luôn nói xấu Phật, Pháp và Tăng. Trái lại người đệ-tử của vị tu-sĩ ấy, lại luôn luôn tán thán công đức Phật, Pháp và

Tăng. Như vậy, hai thầy trò cùng đi cùng nói những lời mâu thuẫn nhau. Việc này được đưa trình lên đức Phật và đức Phật dạy rằng : « Này các Tỳ-kheo, các người đừng có bất mãn vì có người nói xấu Phật, Pháp, và Tăng. Cũng vậy các người cũng đừng có tự mãn khi có người tán thán Phật, Pháp và Tăng. Trái lại, này các Tỳ-kheo, các người phải hết sức vô tư, tìm xem những lời công kích và tán thán ấy có gì xác thật hay không ? Và các người phải tìm xem có phải những lời buộc tội ấy là vô căn cứ không ? ».

Sau khi đã dùng lý trí tìm hiểu lời dạy của đức Phật và có một thái độ khoan hồng đối với tất cả mọi đối lập và công kích, người Phật-tử phải cố gắng hết sức thực hành những lời dạy của đấng Giác-Ngộ. Bởi vì đức Phật chỉ mong ở người đệ-tử của mình, không phải là một sự phục tùng mà chính là sự thiệt hành triệt để những lời Ngài dạy. Đức Phật đã nói : « Những ai thiệt hành những lời Ta dạy, người ấy mới thiệt cung kính Ta bậc nhất ». Đức Phật còn đề phòng các đệ-tử mình đừng cố chấp chặt một cách mù quáng những lời dạy của Ngài. Một lần Ngài đã nói : « Kulupama Bhikkhave, dhammam desemi, santaranattham, na gahanatthan ». « Này các Tỳ-kheo, Chánh-pháp Ta giảng dạy cũng như chiếc bè để đưa người qua biển khổ sanh tử, không phải để người giữ chặt lấy ». Ngài nói thêm : « Dhammapi pahatabbā, pageva adhamma ». « Chánh-pháp còn phải bỏ đi, hướng nữa là phi pháp ». Chính lời dạy này cũng được kinh Kim-Cang nói đến.

Nhưng thiệt hành Chánh-pháp không phải là một công việc dễ dàng. Một bộ luật-giải đã ghi lời nói kỳ diệu này của một vị Tồ-Sư Trung-Hoa : « Đứa con nit ba tuổi có thể nói một điều, mà ông già 80 tuổi không thiệt hành nổi ». Vậy dầu cho con đường của đức Phật nêu lên ngó như giàn di, nhưng thật rất khó mà đi theo. Người đệ-tử phải cần có một nghị lực không bao giờ thối chuyển để có thể thành công tiến bước trên con đường ấy. Đức Phật với đời

sống của Ngài đã tự nêu lên một gương mẫu xác đáng của một tinh tấn tuyệt luân để chứng thành đạo quả. Khi Ngài ngồi dưới cây Bồ-Đề tại Bồ-Đề Đạo-Tràng, Ngài đã cương quyết phát nguyện : « Dầu da gân và xương Ta chỉ còn lại máu và thịt Ta khô héo, nếu ta không giác-ngộ hoàn toàn ta thề quyết không rời khỏi chỗ ngồi này ». Và đến khi Ma-Vương khuyên Ngài nên thối bước đừng có chiến đấu, Ngài trả lời với những lời nêu rõ tinh-thần của một vị chơn võ sĩ, một chiến sĩ có thiên tư : « Nay Ma-Vương, Ta thà chết trên bãi chiến trường còn hơn là chịu thất bại để được sống ». Cho nên khi Ngài sắp nhập Niết-Bàn, lời cuối cùng của Ngài là : « Mọi vật là vô thường, hãy tinh tấn lên để tự giải-thoát ».

Trong khi bước trên con đường đức Phật đã chỉ dạy, chúng ta phải tự tin cậy vào chính mình. Đức Phật chắc chắn trong thời Ngài sống, được cung kính tôn thờ bậc nhất, nhưng Ngài không bao giờ tự cho mình là một vị thần thánh. Ngài đã tuyên bố một cách rõ ràng là Ngài chỉ có thể chỉ con đường. Chính người đệ tử phải tiến bước trên con đường ấy với nghị lực và sức tinh tấn của chính mình. Trong nhiều tôn giáo khác, chỉ tự nộp mình cho một vị Chúa hay đại-diện một vị Chúa là được xem đây đủ để thoát khỏi các tội ác, bất thiện. Nhưng đạo Phật không phải như vậy. Đức Phật chỉ là một bậc đạo-sư, một vị chỉ đường. Nếu người sinh-viên không chịu khó học để soạn bài hay nếu người bệnh không chịu theo lời chỉ dẫn của bác-sỹ lẽ dĩ nhiên cả hai không được lợi ích. Cũng như vậy, dầu chúng ta rất có lòng tin thành đức Phật, nhưng nếu chúng ta không chịu đi theo con đường Phật dạy, chúng ta sẽ không được lợi ích. Vậy nên đức Phật đã dạy : « Hãy tự mình là ngọn đèn soi sáng cho mình, hãy tự mình làm chỗ nương cậy cho tự chính mình, đừng nương cậy ai ở ngoài mình. Hãy nắm chặt ngọn đèn sự thật. Hãy nương cậy vào một sự thật, đừng nương cậy gì ngoài sự thật.

Một đặc điểm nữa của đạo Phật là sự tôn trọng Chính Nghĩa hơn tà pháp. Trong một chuyện Jataka (chuyện tiền thân)

a nước Kosala đã phải nhường bước cho Vua Ba-La-Nại trước, vì tuy trong cả hai nước đều không có trộm cướp, nhưng vua Kosala theo chánh sách lấy hình phạt trị tội nhân, y phẩm vật ban thưởng kẻ hiền, trái lại Vua Ba-la-Nại đối với kẻ độc ác, Ngài dùng lòng Từ chinh phục, đối với kẻ tiện rít rám, Ngài dùng bố thí để chinh phục. Như vậy, trong chuyện tiền thân này, đức Phật muốn cho tất cả đệ tử mình, theo con đường của chính nghĩa, vì con đường ấy xứng hợp nhất với lời dạy của Ngài.

Có người công kích đạo Phật là ích kỷ, vì từ bỏ cõi đời là mưu giải thoát cho riêng mình tức là ích kỷ. Đó là một quan niệm hoàn toàn sai lạc. Đời sống của chính đức Phật là lời dạy của Ngài cho các đệ tử đều chứng tỏ và nêu rõ chính Từ và Bi là hai đặc điểm chính của Phật. Khi đức Phật giác ngộ cho 60 đệ tử của Ngài, Ngài nói với chúng : «Này các Tỳ-Kheo, hãy đi khắp đó đây, để mưu lợi ích và hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương nhân thế, vì hạnh phúc, vì lợi ích cho cả nhơn thiên. Này các Tỳ kheo, hãy tuyên bố giáo pháp, huy hoàng từ sơ thi, chí chung.» Lòng từ bi của Ngài đối với mọi loài chúng sanh đều vô tận, Ngài thường khuyên dạy các thánh giả với những lời như sau này : «Như một người mẹ sẽ bảo vệ con của mình, dầu có hy sinh tính mệnh, cũng vậy, mọi người nên có lòng từ đối với tất cả chúng sanh.» Chính Ngài, cho đến 80 tuổi luôn luôn đi từ chỗ này đến chỗ khác và dắt dẫn vô lượng chúng sanh tiến bước trên con đường giải thoát. Ngài như một vị hiền phụ, một bậc từ mẫu đối với mọi loài. Ngài không phân biệt người này người khác. Tất cả đều bình đẳng trước mặt Ngài. Ngài nói : «Như năm con sông lớn : Ganga, Yamuna, Aciravati, Sarabhu và Mahi khi vào biển cả sẽ mất tên riêng của chúng, hòa hợp với đại dương; cũng vậy trong đạo Phật, các giai cấp Kshatriya, Balamon, Vaishya và Sudra, đều mất tên riêng và giòng họ riêng và chỉ được biết dưới danh từ Phật tử, con của Phật.» Lý tưởng Bồ tát hạnh lại càng nêu

rõ tình thần phục vụ và hy sinh cho toàn thể Nhơn loại. Đức Phật đã nói: «Này các Tỷ Kheo, trải vô số kiếp, ta đã hy sinh cặp mắt của Ta cho hạnh phúc chúng sanh số nhiều như sao trên không trung, đã đổ máu cho hạnh phúc mọi loài chúng sanh nhiều như nước trong biển cả.» Không một đời sống nào là vô giá trị đối với Ngài. Từ đứa con nít đến kẻ già nua, từ người ăn xin cho đến Vua Chúa, từ vị đạo đức đến người độc ác, mọi người đều được lòng từ bi Ngài san sẻ bữa ăn. Ngài khuyên giải Kisagotami, người mẹ trẻ tuổi đã điên dại vì đau khổ. Như vậy đối với nàng trước đây con của nàng là tất cả trên đời; nay trái lại xem như thể như một ruột thịt của mình. Ngài cứu hóa Angulimala một kẻ giết người trở thành một bậc Thánh. Như vậy, sự kinh khủng của toàn quốc trở thành một niềm phúc cho mọi người. Ngài chấp nhận Sunita một giai cấp cùng đinh bị khinh miệt vào Giáo-Hội Tăng-Già. Như có một kẻ đồ phàn của thành Vương Xá trở thành người cung kính cho Vua Chúa. Ngài nâng cao giá trị của Ambapali một kỹ nữ hạ tiện. Như vậy, Nàng mà trước đây đời sống là một vết nhơ cho xã hội trở thành một gương mẫu trong sạch cho mọi người soi chung. Chính đức Phật là đầu tiên ít nhất là trong lịch sử Ấn-Độ, đã bênh vực cho hạng giai cấp cùng đinh bị đàn áp. Chính Ngài đã lớn tiếng công kích che đậy giai cấp đã ngăn đà tiến hóa Nhơn loại và ban bố đặc quyền cho tất cả mọi loài, không kể đến giai cấp, màu da và địa vị. Ngài thành lập cho các bậc đáng kính, cả Nam và Nữ, một Giáo-hội «có tánh cách dân chủ về hiến pháp và tánh cách bình đẳng về phân phát.» Chính đức Phật là người đã bãi bỏ phong tục giết sinh vật để tế tự. Đối với Phật tử, không có ai là gần là xa, kẻ thù là người lạ là kẻ cùng khổ, là giai cấp đê tiện, vì rằng lòng Từ vô biên dưới ánh trí huệ đã xướng lập tình huynh đệ giữa toàn thể chúng sanh. Một Phật tử chọn chánh phải là một công dân của thế giới, và đặc biệt nhất là một vị tu sĩ đạo Phật không được thuộc vào một quốc độ nào. Một vị Tỷ Kheo phải là một hội viên của Giáo-Hội trong mười phương.

Như vậy đạo Phật đứng một địa vị đặc biệt nhất trong tất cả tôn giáo bởi tánh cách duy lý, khoan hồng, thực tế, tự tin và lòng từ bi phổ biến. Đạo Phật không bị thời gian hạn chế, và như vậy không bị hạn cuộc, trong một thời gian nào và một loại dân chúng nào. Cho đến ngày nay, lời dạy của đức Phật vẫn còn linh động và thiết thực như 2500 năm trước đây.

Chúng ta được nghe lời dạy của Ngài trải qua nhiều thế hệ và thế kỷ. Vậy nên, chính người Phật-Tử, xuất gia cũng như tại gia, đều có bổn phận phải sống được theo lời dạy của đức Phật chúng ta và đem phổ biến giáo pháp của Ngài cũng khắp mọi phương trời để mưu cầu lợi ích và hạnh phúc cho muôn loại chúng sanh.

NAM MÔ BỒN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

THÍCH MINH-CHÂU

*Ngày 19 tháng 6 Âm-lịch tất cả
Phật-tử hãy thành kính cử hành
Khánh-đản Đức Quán-Thế-Âm.*

Lịch sử và hạnh-nguyện của Ngài đã đăng
trong Liên-Hoa số 9 năm Bính-thân 1956

NHỮNG ĐIỀU KIỆN CẦN CÓ NƠI :

Người xây dựng

ĐỜI sống có giá trị và ý nghĩa là đời sống của những người biết xây dựng cho mình, cho người. Cuộc sống toàn diện của con người không phải chỉ có đời sống vật chất mà có cả đời sống tâm linh. Cho nên người chuyên môn xây dựng cho cuộc sống vật chất ; có người chuyên môn xây dựng cho cuộc sống tâm - linh. Nhưng cả hai đều phải chuẩn bị

đầy đủ những điều kiện cần và đủ cho việc xây-dựng của mình. Cái nhà sẽ không thành nếu người muốn xây nhà không sắm vật lộn và thiếu tiền thuê nhân-công. Cũng vậy, người muốn xây dựng sẽ không xây dựng được gì hết nếu thiếu những yếu tố tâm-lý sau đây, nói cách khác là người xây dựng phải đủ :

I.— LÒNG TỰ TÍN

Việc đầu tiên của người xây dựng là gây cho mình một lòng tự tín mãnh-liệt ; nghĩa là tin mình là người đủ năng lực xây dựng. Quốc - gia, xã hội huy - hoàng xán lạn, chánh pháp sáng tỏ, đạo đức lan tràn đều do ta xây dựng. Lòng tự tín này giúp chúng ta thành công được một nửa. Trái lại, không có

nó chúng ta sẽ ngã lòng, bỏ việc, và thường nửa đường lui bước. Không có một tinh thần vững chắc vượt qua muôn sự trở ngại, khó khăn thì kế hoạch xây dựng có vĩ đại cho mấy đi nữa cũng phải rã tan và những điều sở học trở nên vô bổ. Thế nên lòng tự tín là điều kiện tối cần cho người xây dựng.

2.— CHÍ HƯỚNG THƯỢNG

Chí hướng - thượng là động - cơ duy-nhất trong việc xây dựng ; Nói ngược lại là sự bất - mãn đối với

hoàn cảnh hiện-tại là một sức mạnh thúc đẩy chúng ta cố gắng cải tạo và lo xây dựng cho tương lai. Nếu

không có nó thì chúng ta cứ mãi đắm chìm trong cuộc đời chật hẹp của hiện-tại. Người xây dựng phải mang luôn cái chí hướng-thượng này để quán sát sự-vật nhìn lên trời cao, ngó xuống đất thấp, ta xem sự vật, gần nhìn việc đời, lúc nào cũng mong sao cho tất cả đều tốt đẹp hơn lên, và chỉ nghỉ thôi khi nào chúng đã hoàn toàn thiện-mỹ.

Có người không hiểu cho đạo Phật là tiêu-cực, tu là diệt hết lòng ưa muốn, không thích hoạt-

động. Nhưng sự thật thì đức Phật-giáo chủ của đạo Phật, là bậc đã đạt đến quả vị tối cao sau khi dày công tu-tập và luôn luôn hướng-thượng. Ngài đã bất mãn với cảnh đời ô trược, xấu xa, và nỗ lực phi-thường trong công việc đưa mình, đưa người đến nơi chí thiện. Vậy lòng tự tín là hạt giống tốt đủ sức nảy mầm sanh mộng mà chí hướng-thượng là nhựa sống dồi dào giúp mộng mầm mau đơm hoa, kết trái.

3.— TÂM ĐẠI - BI

Với tâm hồn cao-thượng, với đức tánh thương người, người xây dựng bao giờ cũng bỏ cái tôi đi mà lấy cái đại đồng, biết chung hòa với mọi người trong bản-thể vô biên, vô tận...

Nhân loại xưa nay vì thiếu tình thương chân-thật và chấp trước bản ngã nhỏ nhoi nên sanh ra lắm điều oán hận, cừu địch lẫn-nhau. Nếu bỏ trừ quan niệm hẹp hòi tự kỷ ấy, thấy được những cái đại đồng thì nhân loại tất dễ gần nhau, giúp nhau để vui sống. Đầu ngón tay gãi; tay đầu đồng chung hưởng chịu trong niềm vui, nỗi khổ. Nếu ở đâu và trường hợp nào nhân loại cũng nhận rõ lý tương-quan tương-duyên và sống với nhau như tay với đầu thì người cùng một gia-tộc sẽ thương nhau, đồng một xóm làng sẽ mến nhau, đồng một chức nghiệp sẽ giúp nhau, cho đến cả muôn loài muôn

vật (vì chúng cũng đồng khí huyết tâm linh như người vậy). Được như thế tức là chúng ta đã biết sống với đức tánh đại-bi của chư Phật. Đã có lòng tự tín, chí hướng-thượng thì phải có tâm đại bi. Giá như không thương được tất cả muôn loài muôn vật thì cũng phải thương mến nhân-loại và tận hết là phải tương thân tương trợ với đồng bào, đồng chủng. Nếu không có tâm đại bi thì dù có lòng tự tín chí hướng-thượng cũng chẳng khác nào có giống tốt mà thiếu đất nước và khí nóng mặt trời. Tất cả việc làm của chúng ta sẽ trở nên vô nghĩa và có hại nếu không có lòng đại bi làm động cơ thúc đẩy. Bao nhiêu công trình vĩ đại của nhân loại trong những thế kỷ gần đây đã tác hại nhiều hơn xây dựng hạnh phúc cho nhân loại là bởi con người phát minh và sử dụng khoa học thiếu tâm đại-bi.

4.— TRÍ NHƯ THẬT

Muốn đạt được mục đích trong việc xây dựng còn cần phải có trí thức chính xác để nhận rõ sự vật. Nếu không, thì dầu có chí hướng-thượng, tâm đại bi cũng chỉ là đa cảm và hay xung-động.

Muốn cải tạo mà không có lý trí sáng suốt thì dễ rơi vào hố

hầm thất-bại khó mà hoàn thành được ý nguyện. Người có trí tuệ như thật là người biết quan sát sự vật đúng sự thật, có hệ thống và nắm vững được kế hoạch và mục đích của công việc, và như thế làm của họ kết quả một cách dễ dàng.

5.— HẠNH TINH - TẤN

Đầy đủ bốn thứ cơ bản trên kia nhưng cần phải tinh tấn thật hành mới được. Nói cách khác nếu chỉ biết và nói suông thì chẳng lợi ích gì cho nhân tâm, thế đạo. Vì thế người xây dựng cần phải siêng năng thực hiện cho kỳ được chương-trình đã hoạch

định. Người tinh tấn luôn luôn cầu tiến, không hề ngày giờ năm tháng không nghỉ dừng dầu phải gặp nhiều chông gai trở ngại. Tinh tấn là yếu tố tâm-lý thứ năm cần thiết cho việc dựng xây và giúp ta hoàn-thành công việc một cách lanh-chóng.

6.— QUI CHÍ THIỆN

Đủ năm điều kiện trên thì tự nhiên công trình sáng tạo, xây dựng của chúng ta sẽ trang nghiêm, rực rỡ. Nhưng khi đạt được kết quả thì cũng không nên sanh tâm kiêu căng, tự mãn; cần phải thấy những kết quả đã được ấy, đối với cái đích phải đến chỉ là một đoạn ngắn trong con đường dài muôn dặm. « Đến chỗ chí thiện mới thôi » ấy là châm ngôn mà người xây dựng hường thường tụng đọc. Có tinh

thần này người xây dựng sẽ cố gắng không ngừng để đạt đến phương trời chân thiện mỹ.



Tóm lại, muốn thành công trong công việc xây dựng bản thân, và xã-hội thì mỗi người chúng ta phải đào luyện cho mình đầy đủ những yếu tố tâm lý kể trên trước hết: Nếu thiếu chúng thì khôn

làm được việc gì nên chuyện, dầu có nhiều thiện ý nhưng những thiện ý ấy vẫn mãi nằm trong phạm vi ý niệm, nhiều khi chúng phải chết mòn trong tâm tưởng.

Sẽ có người bảo : « biết vậy nhưng làm được thì khó lắm ».

Vâng, như một tư-tưởng-gia Tây phương nào đó đã nói : « ăn một trái chuối còn phải bóc vỏ » huống nữa là đặt nền móng vững chắc cho muôn sự thành công rực rỡ cho ngày mai. Khó chứ không

phải không làm được. Vậy chúng ta hãy mạnh mẽ đọc lại hai câu thơ sau này của cò nhân để vui vẻ bắt tay vào công việc đầu tiên của người xây dựng :

« *Thế thượng vô nan sự,
Nhân tâm tự bất kiên* ».

(Ở đời không có việc gì khó,
Chỉ bởi lòng người chẳng vững thôi).

THÍCH THIÊN-CHÂU
(Phỏng theo Pháp Sư Thái-Hư)

Nhà sách : **MINH - ĐỨC**

Phát hành : Kinh sách, báo chí và ảnh,
tượng Phật - Giáo.

Đại lý : Hoa tươi — Trầm hương



11D, Đại-lộ Hoàng-Diệu, 11D

— ĐÀ-NẰNG —

Ly nước trong

*Thân tặng một Phật-tử có tâm hồn nhân loại và kỉ
kỷ - niệm ngày đầu tiên ghé Phan - Thiết 17-6-1957.*

B. T.

Tôi đã trải qua vạn dặm đường,
Cầu mong nhân loại niệm yêu thương:
Tình yêu rộng rãi qua biên-giới
Xóa nhạt nghìn sau hận chiến-trường.

Cây cỏ bên đường tiễn bước tôi,
Chùa xa vắng lại nhịp chuông hồi.
Nghe trong lòng đất tình lai láng
Thanh-thoát tâm-hồn, mây trắng trời.

Nhìn quảng đường dài chưa bước xong,
Vẫn vui khi thấy thanh thoi lòng.
Vi trong cực nhọc, trời gay gắt
Được uống vào mình ly Nước Trong.

Khắp cả toàn thân nước thấm dần,
Như tình nhân-loại sống tương-thân.
Vô-tư nước trắng làm sao biết
Một phút đôi phương được sống gần?

Ly nước trong lành không vị, hương
Chứa bao tinh-khiết vẹn trùng-dương.
Biết mang sứ-mạng vô cùng lớn
Nổi bước người đi thẳng một đường.

Tôi chỉ cầu xin Ly Nước Trong,
Đừng đem « màu sắc » dấy muôn lòng
Đề người bình-đẳng thương nhau sống,
Nhân-loại đời đời vẫn ước-mong.

Đức Phật ra đời thương chúng-sinh,
Nước trong an-ủi kẻ hành-trình;
Âm-thầm đi giữa ngàn lao-lý,
Yên lặng, nhà ai vọng tiếng kinh |

BÌNH - THUẬN

TÂN DUY-THỨC

LUẬN

THAI - HƯ ĐẠI SƯ
(Tiếp theo số 3)

HỎI.— Các thuộc tánh, nghiệp tánh, sự cảm thọ và tướng trạng sinh hóa của thức A-lại-gia như thế nào?

GIẢI THÍCH.— Hành tướng (tư cách hành động) của thức này đã là thâm ẩn, cho nên các tâm tánh tùy thuộc với nó cũng rất đơn giản vì ẩn chỉ có 5 thuộc tánh tương ứng với nó là tâm cảm ứng (xúc), tâm kinh phát (tác-ý), tâm giác thọ (thọ), tâm tưởng tượng (tưởng), tâm tư động (tư). Cũng tức là 5 tâm sở biến hành mà thôi. Thức này cũng như các thuộc-tính của nó đều là vô-phú vô-ý, phi thiện phi ác. Nói cách khác, nó tuy có tánh cấu nhiễm nhưng không đủ năng-ực tác ác và ngăn-che chân-tánh. Cũng vì vậy, trong các loài cảm thụ khổ, vui, lo, mừng, ở nó chỉ có cảm thụ bình thường nghĩa là xả thọ, không khổ vui như mấy thức kia. Bản chất thức này là tương tục vô cùng theo định luật nhân quả. Nhân diệt quả sanh, quả sanh nhân diệt, nhân quả nhất thời, và đồng chung một chỗ. Quả sanh tức là thức này khi hiện hành ra vạn pháp, cho nên vạn pháp với thức là phi nhất phi dị, thức với vạn pháp cũng bất tức bất ly. Bởi thế, chỉ có thức A-lại-gia này mới chính là nguồn gốc sinh hóa của vạn pháp vậy.

HỎI.— Thức này thường hằng lưu chuyển sanh diệt tương tục, Thức với hiện-hành lẽ ra cũng giống như thức với chủng-tử có gì sai khác, mà lại hiện ra được ngàn sai muôn biệt và cùng với thức này phi nhất phi tức ?

GIẢI THÍCH.— Thức này hôn muội, nhu nhược, không có sức thâm quyết, uế tình cho công-năng chủng tử loạn khởi. Lúc khởi lên hiện hành A-lại-gia đồng thời có ý chí tánh thức (Mạt-na thức) cùng khởi. Do thức Mạt-na này cố chấp thức A-lại-gia làm ngã thể. Vì vậy mà 2 thức A-tại-gia (Ngã ái chấp tàng) với thức Mạt-na luôn luôn làm cu-hữu y (sự nương dựa cùng có với nhau một lược) lẫn nhau, nghĩa là bên này có thì bên kia có, bên kia có thì bên này có. Nếu thiếu tính cách « cùng có » ấy thì cả 2 thức đều không hiện khởi lên được. Vì lẽ vô thì mỗi loại hữu tình có mỗi Mạt ngã thức như vậy, nên cái thức thể A-lại-gia cũng hóa thành ra mỗi một nơi mỗi một chúng sanh với danh từ Ngã-ái chấp-tàng hay A-lại-gia thức. Từ đó, bên trong tạo thành căn thân riêng, bên ngoài biến hiện vũ-trụ chung. Cứ mỗi mỗi đời tiếp tục luân tập thức này thành một năng-lực làm bản chất cho giòng giống (sinh mạng), lại cũng lấy năng-lực này làm trợ duyên quan trọng mà sanh thành những thân lại với đời sống khác nhau. Vì thế mà nói rằng căn-nguyên của sự khác giữa vạn loại chính thức ý-chí tánh (thức Mạt-na) vậy.

(Còn nữa)

T. Đ. dịch

Kính cáo :

LIÊN-HOÀ Văn Tập năm Ất-mùi 1955 và năm Bính-thân 1956 hiện còn đủ bộ tại Tòa-soạn. Vị nào muốn thỉnh xin giao thiệp với Tòa-soạn.

L. H.

CÔNG - CHÚA NHẬT - QUANG

*Kính tặng những chị em Phật-tử
thành tâm trong sự cúng dường Bồ-thì.*

CÔNG - chúa Nhật - Quang là con thứ hai của Vua Ba-Tư-Nặc nước Xá-vệ.

Công chúa rất đẹp, một vẻ đẹp thùy my, hơn hẳn các thiếu nữ đương thời ở nước Xá-vệ; Công chúa lại rất thông minh học đâu nhớ đấy, không những công chúa sắc sảo về môn nữ công mà còn tinh thông các triết lý học thuật; đức hạnh công chúa cũng quán chúng, tuy sanh trong giai cấp vua chúa cao sang, nhưng vẫn giữ thái độ khiêm tốn nhã nhặn, nhất là đối với hạng nghèo khổ tật nguyền, Công chúa thành thật yêu mến và luôn luôn tìm cách giúp đỡ. Vì thế, nên công chúa được

rất nhiều người mến trọng. Người nào đã hôn hạnh gặp công chúa một lần, họ sẽ nhớ mãi nụ cười hiền hòa và lời nói thanh tao của công chúa. Đối với cha mẹ công chúa thật là người con hiếu hạnh nàng hầu hạ Vua và hoàng hậu hết sức châu đáo, và không bao giờ nói một lời hay làm một việc trái ý vua và hoàng hậu.

Ba-Tư-Nặc Vương được một người con xứng đáng như vậy, Ông rất cưng quý, có thể nói công chúa Nhật-Quang là viên ngọc vô giá của vua nước Xá-vệ. Những cảnh quan sơn ngoạn thủy của vua, công chúa đều được tham dự, mỗi khi quốc sự rảnh rang, nhà vua

thường đòi công chúa đến hầu chuyệu, hỏi những vấn đề thắc mắc công chúa đều trả lời trôi chảy, nhà Vua rất đẹp dạ.

Một buổi chiều nhà vua đang dùng trà lại vườn ngự uyển, có công chúa đứng bên cạnh, nhà vua nhìn con rồi vui miệng phán rằng : « Khắp nước Xá vệ này không ai được hạnh phúc bằng công chúa, đời công chúa được như thế thật là hoàn toàn nhờ sức của cha mẹ tác thành vậy ».

Công chúa Nhật.Quang thành thật trả lời : « Tâu phụ vương công ơn sanh dưỡng của Phụ hoàng và Mẫu.hậu như trời bệ con không hề dám quên. Nhưng đời con được hạnh phúc như thế này, con thiết tưởng cũng có ảnh hưởng của cha mẹ một phần nào, nhưng phần lớn nhờ kiếp trước con đã tu nhân tích đức nhiều vậy »

Câu nói của công chúa không ngờ đã chạm vào lòng tự ái của Vua Ba.Tur.Nặc quá mạnh vua liền đứng dậy, lặng lẽ trở vào cung.

Đêm hôm ấy, nhà vua không hề chợp mắt, suy nghĩ mãi lời nói của công chúa, và nhà vua rất bực tức, đưa

con yêu quý và ngoan ngoãn của mình chưa bao giờ trái ý mình dù là một cử chỉ nhỏ nhất, hôm nay lại xúc phạm đến lòng tự ái của mình, có thể nói là không thừa nhận một lý thuyết (Nghĩa là hạnh phúc của con hoàn toàn do cha mẹ tác thành) mà ông cho là muôn đời bất biến và ai cũng phải công nhận

Muốn bảo thủ thành.kiến của mình, nên mới sáng tinh sương, Ba.Tur.Nặc vương liền đòi viên cận thần thân tín bảo rằng : ta cần một thanh niên trạc tuổi công chúa Nhật.Quang mà hiện đang sống trong một cảnh nghèo hèn, cơm không có ăn, áo không đủ mặc. người phải tìm cho ra một người có đủ điều kiện ấy, dẫn về đây cho ta.

Ba ngày sau, viên cận thần dẫn về một chàng thanh niên hành khất, mặc mũi khôi ngô, nhưng trong người chỉ mặc vồn vện một chiếc khố rách đến yết kiến Vua Ba-Tur.Nặc. Vua rất mừng ban thưởng viên cận thần xong, quay lại hỏi thân thế thanh niên hành khất rồi bảo rằng : Ta thấy người nghèo khổ, chưa có gia thất, nay ta đem công.chúa Nhật.Quang gả cho người, người được quyền dẫn công.chúa đi đâu tùy người,

Thanh niên nghèo khổ kia không biết trả lời ra sao chỉ cúi đầu vâng lệnh.

Vua lại kêu công chúa Nhật Quang đến phán rằng : « hôm kia con đã nói : hạnh phúc của con hiện tại phần lớn là do con đã tu nhân tích đức ngày trước. Nay ta muốn thí nghiệm lời ấy, nên ta đã gả con cho một thanh niên hành khất, nếu con có phước báo thì con cũng trở nên giàu có sung sướng. Con hãy sửa soạn ngày mai lên đường với chồng con, khi nào có chiếu chỉ mới được trở về cung. »

Với nét mặt đầy nghiêm nghị của Ba-Tư-Nặc vương, công chúa không dám nói gì, chỉ yên lặng trở vào hậu cung.

Sáng ngày công chúa vào lạy cha mẹ, từ biệt mọi người, rồi bình tĩnh ra đi với thanh niên hành khất,

Hoàng hậu và thần dân đều thương xót và khốc lóc, lo ngại cho số phận công chúa, nhưng ý vua đã quyết nào ai còn dám mở lời khuyên can!

Ra khỏi hoàng cung, Công Chúa hỏi thanh niên hành khất rằng : « Cha mẹ chàng đâu ? nhà cửa chàng đâu ? vì sao chàng lại nghèo khổ đến thế ?

Thanh-niên buồn rầu đáp :

« gia-đình tôi trước cũng giàu có, vì được cha mẹ cưng quý, tôi tiêu xài hoang phí, ham chơi bời với chúng bạn, có học tập nhưng không có đậu đạt gì, đến khi cha mẹ qua đời, tôi bán hết ruộng đất nhà cửa, hiện nay chỉ còn một sở vườn cách đây ba trăm dặm cỏ lác mọc đầy, cho người ta mượn họ không mượn, bán họ không thèm mua, hết của cải không nghề-nghiệp không biết làm gì nuôi thân, nên phải hành khất độ nhật. Hôm kia tôi đang lang thang giữ đường, thì gặp một vị quan của vua, ông ta hỏi cặn kẽ về gia thế tôi, rồi ông dẫn tôi đến yết kiến nhà vua, không biết vì sao nhà vua lại đem Công-chúa gả cho một kẻ nghèo hèn như tôi ? »

Vẫn nét mặt ôn hòa Công chúa nói với thanh niên hành khất rằng : « dù sao từ nay chúng ta cũng là vợ chồng, chúng ta phải tìm phương kế làm ăn và trước hết phải tìm nơi tạm trú. »

Không biết tìm chỗ nào khác, nên công Chúa và thanh niên hành khất liền dẫn nhau đến sở vườn của cha mẹ thanh niên để lại — thật là một mảnh vườn hoang phế, cỏ lác um tùm sỏi đá lởm chởm. Hai

Người bàn định cắt cỏ đốn cây
thế một chiếc chòi nhỏ vừa
mở ở, những người quanh
ấy có Người biết Công chúa
thật. Quang nên cùng nhau
đến giúp đỡ công việc cho
Công chúa, đến khi đào đất
để dựng cột nhà, vừa đào
được vài lát đất thì gặp ngay
một cái chum lớn niêm khăn
đầu thẹn. Công Chúa liền mở
chum ra thì thấy trong ba cái
chum ấy, vô số là vàng bạc
trâu báu. Công chúa vui
nàng sung sướng đem bán
một số châu báu, rồi mượn
người dọn dẹp cỏ rác, trồng
hoa quả, tạo lập lâu đài...
Tồn sản tách hiền lành lại sẵn
công thương yêu giúp đỡ mọi
người, nên thợ thuyền tới từ
đâu trung thành tận tụy, không
bao lâu đám vườn hoang phế
đã biến thành một vườn
hoa trăm sắc muôn màu; lâu
đài trang hoàng lộng lẫy.
Người vô kể ra tấp nập không
khác đình thự của bậc đế
vương.

Từ khi công chúa rời khỏi
cung điện, vua Ba-Tur-Nặc sanh
lòng hối hận đêm ngày trông nhớ,
nhà vua định ninh rằng: Công
chúa lâu nay sẽ gặp nhiều khổ
số và định đón công chúa trở về
cung để an hưởng cảnh đoàn

viên phú quý! Nhà vua liền
phái một số cận thần tìm nơi
công chúa ở và dò xem đời
sống của Công chúa ra sao?.

Sau một thời gian dò xét, các
cận thần về tâu với nhà vua:
« Công chúa ở cách xa cung điện
nhà vua chừng ba trăm dặm
và hiện đang ở trong cảnh
phong lưu sung sướng giàu có
ức triệu.» Vua Ba-Tur-Nặc không
tin, liền đến tận nơi dò xét
quả đúng như lời các cận thần.
Nhà vua nói với cả lũ hữu
rằng: « Trẫm thấy đời sống
của vợ chồng Công chúa
Nhật-Quang hiện tại, tuy trẫm
làm Vua một nước, thật cũng
không sung sướng bằng.»

Nhưng vua cũng băn khoăn
thắc mắc không biết tiền kiếp
Công chúa đã tu những nhân
tặng gì mà nay được nhiều
phước báo như vậy.

Vốn nghe Đức Phật Thích-
Ca-Mâu-Ni là bậc đại giác,
nên vua thân hành đến tìm xá
nơi Phật thuyết pháp, cung
kính bạch rằng: Bạch Thế-
Tôn! nghe danh ngài là bậc
đại giác chứng Nhất-thế-tri,
hiểu thấu việc trong ba đời,
nay đệ tử có điều nghi xin
ngài chỉ dạy: « Nhật-Quang
Công chúa con thứ hai của
đệ tử, không biết đời trước

tao nhân lãnh gì, mà ngày nay
trông mạo đẹp đẽ, thông minh
xuất chúng, giàu có sang
trọng... Đệ tử đĩ thử gĩa
Công Chúa cho một kẻ hành
khất nghèo hèn thẽ mà Công
Chúa cũng đào được vàng bạc
rồi trở nên sang trọng hơn
người.»

Đệ tử cứ thắc mắc mãi
mong ngài từ bi khai thị cho
đệ tử được rõ?

Đức Phật Thích-Ca nở nụ
cười từ hòa muôn thuở thong
thả dạy rằng: «Nghĩ vấn Đại
vương sẽ được tiêu tan sau
khi nghe câu chuyện này:

Này đại vương! Xưa kia
khi Đức Phật Ca.Điếp ra đời,
có hai vợ chồng người lái
buôn giàu có, người vợ rất
tôn kính Tam.Bảo, thường
khuyến khích mọi người bỏ
việc ác làm việc lành, qui-y
Tam.Bảo, lại hay làm các
việc bố thí cúng-đường, nhất
là đối với kẻ tàn tật, nàng hết
sức thương mến và tận tâm
sân sóc. Người chồng lại có tánh
hòn sỏi, mỗi khi thấy vợ làm
việc cúng đường bố thí, thì tỏ
thái độ bất bằng, tìm cách
ngăn cản.

Một hôm gặp ngày nguyên-
đán, người vợ thành tâm
sắm sửa lễ vật để cúng đường

Tam.Bảo và bố thí kẻ nghèo
trong ba ngày, người chồng
thấy vậy bực tức nói rằng:
«hãy để dành tiền của lại sắm
sửa thêm nhà cửa ruộng đất,
chứ làm những việc ấy thêm
hao tổn, phỏng có ích gì.»
Người vợ dịu dàng trả lời:
«của cải là vật vô thường, ta
không bỏ nó, rồi nó sẽ bỏ
ta; hơn nữa những kẻ nghèo
khổ hiện tại, theo trong kinh
Phật dạy, đều do đời trước
tham lam ích kỷ, không biết
dùng tiền của làm các việc
phước thiện; ngày nay đời sống
của vợ chồng chúng ta tạm gọi
là khá giả, chúng ta nên dùng
một số tiền làm các việc phước
thiện để bảo tồn hạnh phúc
trông lại cho chúng ta, và
cũng gọi là góp một phần
trong công việc nghĩa chung
vậy.»

Nghe mấy lời giải thích của
vợ, người lái buôn mới tỉnh
ngộ và cảm động, từ đó anh
ta đã không ngăn cản vợ mà
lại rất hăng hái trong việc làm
phước đức...

Này đại vương! vợ người
lái buôn xưa kia chính là công
chúa Nhật.Quang ngày nay, đời
trước nàng thường khuyến-
khích mọi người bỏ ác làm
lành, Quy-y Tam.Bảo, nên nay

được quả báo thông minh xuất chúng; đời trước sốt sắng cúng dường bố thí, nên nay được quả báo sung sướng giàu sang, nhiều người mến phục; đời trước tận tâm sâu sắc giúp đỡ kẻ đau tật, ngày nay được được quả báo nhan sắc đẹp đẽ, tướng mạo đoan trang.

Người lái buôn xưa kia, chính là chồng Công-chúa hiện tại, ngày trước lúc chưa tỉnh ngộ, anh ta đã bồn sồn hay ngán cần việc làm phước thiện của vợ, nên ngày nay phải chịu đời rách một thời.

Vua Ba-tư-Nặc nghe Phật kể rõ tiền kiếp của công chúa Nhật-Quang, nhà vua mới tỉnh ngộ, và rất thâm cảm đạo lý

nhân-quả tội-phước của Phật. Rồi vua cúi đầu đánh lễ đức Phật ra về.

Và đến cung, công việc đầu tiên của nhà vua là cho người đón rước vợ chồng công chúa Nhật-Quang về. Gặp công chúa, Vua Ba-tư-Nặc khôn xiết vui mừng. Vua không quên nói nhiều lời hối hận, với Công-chúa Nhật-Quang cũng rất sung sướng, được gần gũi phụng sự cha mẹ, và giúp Vua cha trong việc trau dồi đạo đức, bảo quốc an dân. Thanh niên hành khất chồng công chúa, cũng được vua phong cho một chức quan cao cấp trong triều đình.

QUANG-TIẾN

ĐẠI TRÙNG TU

Chùa Linh-Quang trụ sở Giáo-hội Tăng-già T.P. và Thừa-thiên là nơi vân tập chư tăng làm các Phật-sự như: Bố-tát, an-cư, Tổng hội-dồng, v.v... Vì chùa xây dựng đã lâu ngày, nên đã bị hư dột và quá thấp hẹp, nhất là mỗi khi chư Tăng bố-tát và làm các Phật-sự quan trọng. Nên hai ban Trị-sự G.H.T.G. Trung-phần và Thừa-thiên đã ủy-nhiệm Thượng-tọa Thích Mật-Nguyễn thay một Giáo-hội đứng ra đảm nhiệm trùng tu, để nơi vân tập chư Tăng được trang nghiêm và đủ các tiện nghi ứng hành Phật-sự...

Đây là một dịp để gây phước điền và công là bổn phận chung của toàn thể Tăng-Ni và tín-đồ tại Trung-phần, chúng tôi mong quý vị người của kẻ công tích cực ủng hộ, để cho việc đại trùng tu này chóng thành tựu.

[Vị nào góp phần ủng hộ việc trùng tu này, xin giao thiệp với Thượng-tọa Thích Mật-Nguyễn' chùa Linh-Quang - Huế].

Ý NGHĨA VÀO ĐOÀN

CÁC em vào đoàn cũng đã lâu nhưng các anh, chị chưa có dịp nói cho các em rõ về ý nghĩa vào đoàn. Hơn nữa, các anh chị chưa muốn nói vội, để các em tự nhận lấy. Hôm nay có em nào nói được cái ý nghĩa vào đoàn không?

Chắc các em đã thấy ở đoàn các em cùng chung sống với nhau thân-thiết, thật-thà, vui-vẻ. Có những người anh người chị luôn luôn giúp-đỡ các em, dìu-dắt các em... Rồi những buổi họp, nào hát, nào chơi, nào học... Lại thêm có những buổi cắm trại hay du ngoạn nữa. Vui quá em nhỉ? Nhưng có phải em vào đoàn là chỉ có nghĩa tìm đến cái vui ấy không? Đó chỉ là một phần nào thôi. Vào đoàn còn có nhiều ý nghĩa khác:

Thường thường các em cũng có nhiều bạn hoặc ở nhà hoặc ở trường, nhưng những người bạn ấy không phải ai cũng hoàn toàn thật tình với em, ai cũng hoàn toàn thân-thiết với em. Đến với đoàn là em tìm đến những người bạn chọn-thật chất-phúc, biết thương-giêu và giúp đỡ nhau vì đã là Phật-tử thì bạn giờ cũng coi nhau như ruột thịt vậy.

Ở ngoài đời biết bao nhiêu thú vui xa hoa phù phiếm sẵn sàng lôi cuốn các em. Có những thú vui có thể làm con người trở trẻ, trong trắng hồn nhiên của em trở thành những kẻ xấu xa hung ác. Như những tuồng chiếu bóng « cao bồi » có thể ảnh hưởng đến tánh tình em, làm em trở nên kẻ hung dữ. Những trò đánh tướng đánh đáo có thể làm cho em có tánh ham mê

cờ bạc, có khi nó còn làm cho em mất tinh thật thà, trở thành gian xảo. Những thú vui huyênh áo ở phố phường làm rộn trí các em, làm tâm hồn em bị xao động. Vào đoàn là tìm đến những thú vui trong trẻo hồn nhiên và tươi đẹp để tránh những thú vui tình nghịch, nóng nhiệt, không có lợi.

Ở đoàn còn có những cuộc chơi ở ngoài trời, những cuộc du ngoạn xa làm cho các em quen sống với thiên nhiên, để tâm hồn non trẻ em được nảy nở điều hòa, làm cho người em biết chịu khó, lạnh lẽo, tri ớc các em biết nhận xét. Nó giúp cho đời em thêm hoạt động, hăng-hái và vui vẻ.

Ở đoàn còn có những người anh, người chị, thật tình thương mến các em, luôn luôn sẵn sàng chia những cánh tay hiền dịu để dìu dắt các em, hướng dẫn các em trong ánh đạo của đảng Thế-Tôn, đem tình thương của đảng cha lãnh muốn thuở gieo rắc cho các em, giáo dục về những phương diện tri dục, đức dục và thể dục để làm cho người em hoàn toàn tốt đẹp từ tâm hồn đến thể chất. Nghĩa là làm cho trí em sáng suốt hiểu biết đúng. Tình tình em hiền lành ngoan ngoãn. Thân thể em được cân xứng đẹp đẽ, mạnh khỏe, ít đau ốm.

Vào đoàn là thế đó em. Bây giờ em đã hiểu rõ ý nghĩa vào đoàn rồi. Em hãy mách lại với những bạn em, ở đây có những người anh người chị sẵn-sàng mở rộng đôi tay đón nhận các em. Ở đây có người nguyện suốt đời giúp đỡ các em, dìu dắt các em, đào-tạo các em thành những người tốt đẹp. « Ở đây người ta đang nhen nhúm tình thương của người con vua Tịnh Phạn năm xưa »

ĐỨC-THƯƠNG

Ở ĐÂY NGƯỜI TA ĐANG NHEN NHÚM
TÌNH THƯƠNG CỦA NGƯỜI CON VUA
TỊNH - PHẠN NĂM XƯA

TỪ CÁI KHÓC CỦA ĐẠO-SĨ

A-TU'-ĐÀ

đến cái khóc của chúng sinh và đến nỗi mừng ngày Phật - Đản lần thứ 2.501

Số Liên-Hoa này có ba bài : « Từ cái khóc của Đạo-sĩ A-Tư-Đà . . . Chiếc đèn phật lưu và Thời đại này là thời đại . . . » là trích trong tập « Nguồn sáng » mà chúng tôi đã hân hạnh giới thiệu cùng quý độc giả trong Liên - Hoa số 5 vừa qua.

L. T. S.

THEO dõi vùng ánh-sáng lạ, đạo-sĩ A-Tư-Đà tập-tễnh trên chiếc gậy trúc, đôi chân lầy-bầy, dõn bước về phía ánh sáng, đôi mắt nhăn-nheo khô héo lặng chìm trên khuôn mặt gầy-gò, với một vành râu tóc bạc phều. Chỗ người ngừng bước vừa đứng là chỗ hào-quang chiếu thẳng xuống trên đỉnh đầu, ngay trên cung điện của Vua Tịnh-Phạn nước Ca-Tỳ-La-Vệ. Cửa cung mở

rộng đón tiếp vị Đại-tiên giả nua, đạo - đức và danh-vọng, vào thăm Thái-Tử sơ-sinh Tất-đạt-Đa.

Trước mặt quần thần, nhà vua hoan-hỷ truyền đem Thái-Tử ra mắt Đại-tiên A-Tư-Đà.

Thoạt trông thấy Thái-Tử, Đạo-sĩ A-Tư-Đà bị cảm-xúc mãnh-liệt ; như cái máy, người kính cẩn sụp lạy sát đất hồi lâu, trong im lặng trang-nghiêm, tuổi già vẫn không làm cho người run gối, gần Thái-Tử

người thấy một nguồn sinh-lực mới lạ phi-thường đang tràn dâng lên. Tiếp theo đó, bỗng nhiên người buồng tiếng khóc nức nở. Trong khi nhà vua và Triều-dình đang kinh-hãi trước cử-chỉ bi-thảm của Đại-tiên, thì Đại-tiên A-Tư-Đà thông-thả trình bày:

« Xem tướng Thái-Tử, tôi biết Ngài sẽ trở thành vị Thế-Tôn Tam-giới. Ngài sẽ khai thị con đường giải-thoát cho tất cả chúng-sanh thoát khổ được vui, tôi tui thân đã quá già không được sống đến ngày ấy để nhờ Ngài hóa-độ; thiếu hẳn nhân-duyên không được gặp Phật, cho nên tôi cảm-xúc mà khóc lên như thế ».



Tiếng khóc của Đạo-sĩ A-Tư-Đà với mùa Phật-Đản năm nay, đã lùi xa 2.501 năm trong quá khứ, mà vẫn còn vang dội đầu đây. Lời tiên-doán của Đạo-sĩ A-Tư-Đà đã trở thành Đức Phật Thích-Ca khai thị còn đường sống để giải-thoát cho chúng-sinh cả tam-giới và đời đời là bậc Đại-đạo-sư được sùng-thượng tuyệt-đối qua không gian và thời-gian.

Đối với một Hoàng-tử sơ sinh, lúc bấy giờ chưa ai có thể nhất-dán biết chắc được là sẽ trở nên thế nào, mà Đạo-Sĩ A-Tư-Đà, trong phút chốc, đã đem cái uy tín đạo đức cao dày và thanh-danh xán-lạn của mình là một bậc Đại-tiên tuổi tác, đặt ngay dưới chân Người, cung kính cúi lạy Người, và chân thành rơi lụy cảm-xúc, cử chỉ đó bao-hàm một ý-nghĩa sâu-xa rộng lớn, xây-dựng yên-lành mà chúng ta cần phải phân-tách, tìm hiểu, tổng hợp và áp-dụng nó trong mùa Phật-Đản năm nay.

Trước hết cử chỉ của Đạo-Sĩ A-Tư-Đà đã xác-nhận sự thiên-cận thấp kém của mình trước nhân-dân cả một nước đang tôn-thượng Đạo-Sĩ, thật là một cử-chỉ khiêm-cung tuyệt đối loại-trừ tất cả lòng kêu-căn ngã-mạn, chân-thành sám-hối, tự hạ xuống thấp để vươn mình lên cao.

Cúi lạy Thái-Tử Sơ-sinh rồi khóc lên, tui cho mình vô-duyên không được gặp sau này để nghe lời chỉ dạy, mà liền tới giải-thoát hoàn-toàn, mà mừng cho ai, mừng cho thế-

hệ mai sau được may-mắn hơn.

Cái khóc để mừng. Cái khóc giác-ngộ.

Cái khóc để cao-rao và báo trước nỗi mừng vô-lượng sẽ đến cho chúng-sinh với sự nghiệp vĩ đại vô-thượng của Đấng Thế-Tôn trên đường giải-phóng chúng-sinh. Cái lý-do khiến Đạo-Sĩ A-Tư-Đà đã khóc là bởi Đạo-Sĩ đã thấu-triệt được, thông-cảm được nỗi mừng vô-lượng, chớm nở với ngày Đản-sinh của Thái-Tử Tất-đạt-Đa. — Mà thấu-triệt được nỗi mừng ấy là bởi Đạo-Sĩ đã dưng-mãnh sám-hối, xem nhẹ đạo-đức và danh-vọng của riêng mình, mặc dầu đã đến bậc khá cao. Cái khóc đại-hùng đại-lực, trí dũng vô-song để gieo rắc hạt giống tin-tưởng và hồi hướng về Đấng Thế-Tôn.

Cái khóc đảo lộn một cuộc sống mê-lắm, cái khóc để phá tan một uy-tín và một thanh-danh giả-tạo của chính mình, đồng thời để phá tan một sự sùng-thượng vô nghĩa-lý của kẻ khác cũng đối với chính mình.

Cái khóc cởi mở cho mình cho người, tự lợi và lợi tha biết bao, vì chánh-pháp biết bao, để tự vươn mình và cho

kẻ khác cùng vươn mình trên một hướng tiến mới.

Khóc để cho người đời dừng tin-tưởng mình nữa, để hướng tất cả sự tin-tưởng chánh-dáng vào Đấng Toàn-giác sau này, mà trong giai đoạn mới sơ-sinh, Đạo-Sĩ đã cung-kính quỳ lạy và nhỏ những giọt lệ sám-hối.

Mấy ai đã biết khóc như A-Tư-Đà để tiến-bộ? Mấy ai đã có can-dảm khóc lên để hạ thấp mình như A-Tư-Đà mà tiến-bộ?

Trong một cái khóc, Đạo-Sĩ A-Tư-Đà đồng thời đã cảm-nhận được chân-lý và nếu không giải-thoát được trong kiếp đó, thì chắc-nhắn đã có mầm hy-vọng cho kiếp sau.

Năm nay, 2.501 năm sau cái khóc kỳ-diệu của A-Tư-Đà, chúng ta cử hành lễ Phật-Đản, cũng giữa tiếng khóc của chúng-sinh, tiếng khóc nữc-nữ đó đây, nhưng khác hẳn cái khóc của A-Tư-Đà. Chúng-sinh đã khóc và đang khóc vì tiền bạc, khóc vì danh-lợi, khóc vì tình-ái, dục-vọng, khóc vì tham-sân-si ngã-mạn. Chúng-sinh càng khóc như thế bao nhiêu càng thoái-bộ bấy-nhiều, càng sa lầy bấy nhiêu, càng đau khổ thêm, và làm cho nhau đau khổ thêm.

Mà thanh-danh đạo-đức của người đời, và sự sùng thượng của kẻ khác đối với họ, hẳn nhiên là không có chỗ so - sánh đối với Đạo-sĩ A-Tư-Đà mà người đời còn tiếc nỗi nỗi gì mà không dám khóc, khóc như A-Tư-Đà.

Hơn nữa, người Đạo-sĩ chỉ cảm - nhận được sẽ có Phật trong tương lai mà đã vội vàng sám - hối ngay không chờ đợi, mà ngày nay, Phật xuất thế đã 2501 năm rồi, rõ ràng trước mắt, sao người đời lại còn khóc nhăm-nhí cuồng-si, tự tiêu diệt mình và kẻ khác trong cái khóc quá-gở và đau khổ?

Thành Thuận - Hóa trong ngày Phật - Đản 2501, nhan-nhãn những công chào « mừng Mồng tám tháng Tư » khắp các nẻo đường, nhan-nhãn những biểu ngữ, dấu-hiệu « mừng ngày Đản-Phật », nhưng chúng ta phải biết khóc như A-Tư-Đà, thì nỗi mừng Đản-sinh mới thật là chân-chính và hữu nghiệm. Vì có biết sám-hối, rồi mới có thể hiểu được, lường được, thông cảm được, thưởng thức được một cách thực-sự nỗi mừng vô biên ngày Mồng tám tháng Tư.

Sám-hối mãi, sám-hối không ngừng là điều kiện bất khả-vô đề có thể mừng một cách sâu xa, cụ thể và có ý nghĩa tự-

lợi lợi-tha về ngày Phật-Đản vì sám hối tức là tinh tiến.

Sám-hối. được nhiều chừng nào thì càng đáng mừng ngày Phật-Đản chừng ấy, thì càng có đủ tư-cách, đủ tri-tuệ để mừng ngày Phật-Đản hơn.

Chưa thấy Phật-tử nào không sám-hối mà tiến-bộ.

Chưa thấy Phật-tử nào có sám-hối mà không tiến-bộ.

Không thể có người Phật-tử chân-chính nào dám khinh-miệt, lơ đễnh và hoán - phé sám hối

Đạo-Sĩ A-Tư-Đà chắc sẽ không còn ai nhắc nữa, và cũng không gì đáng nói nhiều về Đạo-Sĩ nữa, nếu Đạo-Sĩ đã không có cái khóc sám-hối bất hủ trước Đức Phật sơ-sinh.

Sám hối không phải xấu hổ, thấp hèn và mất tự-do. Xấu hổ, thấp hèn và nô lệ là không biết, hay biết mà không chịu sám-hối.

Mừng ngày Phật-Đản, tất nhiên chúng ta đều phải sám-hối may ra mới có thể mừng được một cách viên-mãn, thiết thực mà không phụ ơn dày của Đức-Phật.

*Trong tập « Nguồn sáng »
của P.T, Thuận-Hóa*

NHỮNG CHIẾC ĐÈN

PHIÊU LƯU

*Biên-thùy, biên-thùy, này những biên-thùy ửng máu,
Bóng hoàng-hôn xa vắng sập màu tro.
Thế nhân đâu dám hẹn hò,
Một bài ca hợp tấu.
Kìa lửa đỏ dương pháp-phông thế-giới,
Sóng trùng-dương chói-ói dưới Trăng-Sao.
Những vô-luân cường-bạo héo bông dào,
Những đục vọng rung thành muôn tiếng sấm.*



*U-ám nền trời, mây tú chững,
Mà sắc mầu vừa kết-hợp không-trung.
Ói không-trung, vừa nở đóa hoa hồng,
Biên Rừng xanh tóc biếc,
Triệu tâm-tĩnh đơn-chiếc mở lòng thương.
Không Trăng-Sao, không diện Ngọc, Nghê-Thường
Mà kết-tụ muôn âm thanh kỳ-bí...
Những chiếc đèn,
Từ nơi cổ-lý.*

Em-bé mần-mê, mẹ-già hoan-hỷ
Cùng sắc mầu kết-hợp: đỏ, vàng, xanh...
Đèn phiêu lưu vạn nẻo kinh thành,
Cà ngô hèm, tre xanh bờ lúa xòa,
Nhưng sắc-mầu, nhưng sắc mầu tươi má:
Em ngây-thơ má núng cười vui,
Nhưng Thanh-Niên đón tiếp Cuộc-Đời,
Nhưng cô gái mắt biếc xanh ngày khạt hạ...
 Nhưng sắc đèn óng-ả,
 Đi khắp ngả Đường-Đời,
Tâm-tình chẳng hẹn khơi vơi,
Mà trong lòng - giấy: vạn lời tin yêu.
Mắt đây đèn phải điểm-kiểu,
Mừng ngày Phật-Đản, tiêu-thiếu hân-hoan.
Đèn ơi, muôn ANH ĐẠO VÀNG,
Trăng Sao rực-rỡ, huy-hoàng Đản-Sinh!
Kề chi những khách vô tình:
Đốt đèn có sáng, duyên lành thì không!
Kề chi những khách dè bòng.
Đốt đèn cho thỏa tấm lòng đua chơi!
Tâm-thành một quí Đèn Oí!
Duyên lành đèn một sáng ngời thế gian.
—Run run thấp ANH ĐẠO VÀNG,
Mừng ngày Khánh-đản, xanh làn trầm hương...

Huế, Ngày Phật Đản 2501

Trong tập « Nguồn Sáng » của P. T. Thuận-Hóa

THỜI - ĐẠI NÀY LÀ THỜI - ĐẠI CỦA

Sức-mạnh Tình-thương

BÀI diễn-văn Báo Tò-chức lễ Phật-dân của Phật-Giáo Trung-phần về lễ Phật-Đản năm nay, có nêu ra vài điểm quan-trọng mà Phật-tử chúng ta cần thấu-hiểu tường-tận để lãnh-hội nhiệm-vụ của chúng ta trong giai-đoạn hiện-tại, hầu xây dựng thiết-thực con người và chuyển-biến hoàn-cảnh, tiến tới an-vui-thực sự cho mình, cho dân-tộc và nhân-loại.

Những ý-kiến chính trong bài diễn-văn ấy như sau :

- 1) Thời-dại này chính-thực là thời-dại của sức-mạnh tình thương.
- 2) Nếu sức-mạnh của tình thương bị suy-giảm thì thực là tai họa cực kỳ thảm khốc cho loài người, cho dân tộc chúng ta.
- 3) Vậy Phật-giáo đồ phải ý-thức hơn bao giờ hết về sự cần phải tăng-cường mọi hoạt động phục-vụ xã-h-pháp, để ích lợi cho đồng bào nói riêng, cho nhân loại nói chung, phải tự chiến thắng mình, dùng bản thân mình chứng minh tiếng nói từ-bi của Đức-Phật.
- 4) Tinh-thần ngày Mồng 8 tháng Tư phải khai thác tất cả những tình thương mà lòng người sẵn có để xoay chuyển cái chui diễn-biến của thế-giới hướng về tiến-bộ đạo-vị, tránh cho nhau những thảm-họa cực kỳ vô nghĩa-lý.

Trước hết, chúng ta cần nhận-thức là phải có một sự nhận-định tường tận dứt-khoát về tình trạng mà trong đó con người đang sống, rồi tin-tưởng mãnh-liệt ở tình yêu-thương để cố gắng chuyển nguy thành an, thì mới thấy rõ hơn con đường mà Phật-tử phải đi, công việc mà Phật-tử phải làm, để tránh tai vạ cho nhau, mưu cầu an-lành cho nhau.

Giải-pháp của Phật-tử chúng ta để giải quyết tất cả các vấn đề

đau đớn và đau khổ, trước cũng như ngày nay, và nhất là ngày nay, cũng vẫn là phải phát-huy triệt-đề tinh thần chánh pháp, tinh thần đại-cử của chư Phật được bao-hàm đầy đủ trong ý-nghĩa trọng-đại của ngày Đản-Sinh Đức Phật Thích-Ca.

Nói rằng thời-đại này chính-thực là thời-đại của sức-mạnh tình thương, mới nghe mới thì thật là mâu-thuần, kỳ-dị. Tình-trang trên mặt đất hiện nay là một một tình-trang bất-an về mọi mặt, tinh-thần cũng như vật-chất, Bất an ngay trong từng con người một, trong các xã-hội, trong các quốc-gia, cùng sống chung trong sự đau khổ tràn đầy, cũng trong sợ-hãi, lo âu hồi-hộp, gần như tuyệt vọng trước sự đe-dọa của một cơn bão-táp, góm ghê đang ùn lên ở phía chân trời nào và chưa biết xảy ra lúc nào. Loài người sẽ bị diệt-vong do loài người tự tạo mà thập loại chúng-sinh sẽ chịu tai vạ lây. Một tình-trang như vậy thì sao lại có thể gọi là thời-đại của sức mạnh tình thương?

Thưa, chính vì thế, chính do đó mà chúng ta, Phật-tử, cảm-nhận rằng tình thương đã có cơ thuận-tiện dễ nảy-nở, phát-triển và kết-hợp thành sức-mạnh.

Là vì, con người bị đau khổ đến cực-độ, điều-linh cùng cực bởi chính mình tạo-nghiệp thì sẽ tự mình xác-nhận được những nỗi đau khổ do chính gây ra, sẽ nhận-chân được sức nóng tiêu-diệt của ngọn lửa dục-vọng. Con người với lương-trí sẵn có và khi biết áp-dụng lương-trí, sẽ biết tĩnh-ngộ, sẽ chán ghét và từ bỏ dục-vọng, để đời một hướng sống, sống trong tình yêu thương lẫn nhau.

Những tư tưởng lớn trên thế-giới, tự cổ đến kim, đều suy-tôn và quả-quyết rằng sự đau khổ lớn là bậc thầy vĩ-đại. Phật dạy: phiền-não tức bờ-đề. Chúng ta thoát thân ra được bởi sự đau khổ cùng cực, nếu không thế thế, thì chỉ là tiêu-diệt hoàn-toàn. Càng đau khổ bao nhiêu thì càng biết thương yêu nhau sớm hơn, đó là một quy-luật tất-nhiên để bảo vệ cho bản-năng sinh-tồn của nhân-loại. Trải qua lịch sử chúng ta thấy những tư-tưởng yêu thương, nhân-ái, đều được phát-triển sau những thời-kỳ nhân-loại đau khổ nhiều nhất và được nhân-loại hoan-ngheh, song le chỉ thực-hành trong phạm-vi nhỏ hẹp tự-kỷ. Ngay ở Á-Đông chúng ta, tư-tưởng nhân-ái của Không-Phu-Tử được người đời sùng-vọng, há không phải là đã được cấu tạo bởi sự hỗn-

đau-khò của thời chiến-quốc tam-phân ngũ-liệt chém giết nhau đó là gì? Còn như ở Tây-phương, sau hai kỳ đại-chiến cận-dại, phong-trào « tình-thương » cũng phát-triển, đó không phải là do sự chém giết mà có là gì? Ngay trong đạo Phật chúng ta, Phật-pháp do Đức Phật Thích-Ca thuyết minh đề giải-phóng con người, há không phải là do nhân-duyên đau khò của chúng sinh mà Ngài hóa thân cứu độ là gì?

Do đó, chúng ta có đủ lý-do để tin-tưởng rằng con người đau khò trong thời-dại ngày nay sẽ tự mình nhận chân được nỗi khò đau đang dày-vò mình. Nhận chân được có đau khò tất nhiên tình thương sẽ phát-huy và trở thành sức-mạnh để giải-quyết vấn-đề tiêu diệt sự đau khò chung do tham, sân, si của con người gây nên.

Giải quyết nỗi đau khò đã gây nên bởi tham si bằng giải-pháp tham-sân-si, đó không phải là giải-quyết diệt-trừ mà chỉ càng làm tăng-gia sự đau khò chung bởi đau khò, càng đưa nhân-loại đến chỗ tai-vạ khủng khiếp, vì nhân nào thì quả ấy. Cái cứu-cánh đầu người ta có cao-rao là đẹp là hay họ đến bao nhiêu đi nữa cũng không thề nào bào-chữa cho những phương-pháp bạo-tàn. Phương-Pháp thế nào thì cứu-cánh như thế ấy. Phương-pháp và cứu-cánh là một.

Cho nên chỉ có sức-mạnh của tình thương chân-thật mới có thể đưa đến một cứu cánh vui-lành.

Chúng ta, những người tin Phật, đã ý-thức như vậy, càng tin-tưởng mãnh-liệt ở chánh-pháp từ-bi của đức Phật chỉ có chánh pháp đại từ đại bi của đức Thích - Ca Mâu - Ni mới có thể giải - quyết chắc - chắn dứt - khoát những nỗi đau khò đó. Tin - tưởng đề mà hoạt động phục-vụ chánh pháp từ-bi ấy, chứ không phải đề lý luận suông. Phải phát-huy tình yêu thương hơn lúc nào hết, phải làm việc vì yêu thương hơn lúc nào hết, yêu thương chân thành tha thiết. Tình yêu thương đó bắt đầu ngay trong mỗi cá nhân, sẽ kết-hợp với những cá-nhân khác rồi lan-sâu rộng-ra như ánh sáng từ-hòa của Chư Phật.

Mà muốn yêu thương thực sự và muốn cảm hóa được bởi tình yêu, tự-lợi lợi-tha thì phải chiến thắng chính mình trước. Cá nhân của mỗi chúng ta mới là chương ngại số một đối với chúng ta, không chiến thắng được mình mà nói đến việc làm ích lợi cho kẻ khác, nói đến chuyện yêu thương kẻ khác, thòi thật là huyền-hoặc, phi-lý. Phải

chiến thắng chúng ta trước rồi sẽ giúp đỡ cho kẻ khác chiến thắng họ, thời chúng ta mới có thể thiết thực chứng minh được tiếng nói từ-bi của đức Phật. Phật-tử chúng ta nên nhớ rằng, trước khi đi khắp thiên hạ thuyết pháp độ sinh, Đức Phật Thích-Ca đã chiến đấu cam go với chính mình, với những lực lượng ma vương, và khi Ngài đã hoàn toàn tự chiến thắng được thì hào quang của tình yêu thương của Ngài mới tỏa rạng và trở thành một lực lượng vô địch.

Vì lòng từ bi vô lượng mà Đấng Thế-Tôn của chúng ta đã nương nơi cõi đời ô-trược để hóa sinh khai thị cho chúng sinh đau khổ vì nghiệp chướng nặng nề, con đường Yêu Thương để giải thoát. Tình thân ngày Phật - đản Mồng 8 tháng 4 quả thật là một tinh thần vô thượng đẹp tuyệt vời của Tình thương vô úy, dũng mãnh và tinh tấn hoàn toàn. Tình thương đó là sự thật viên mãn muôn đời chói rạng.

Chúng ta là Phật-tử ư? Chúng ta có yêu thương không đã, rồi mới dám tự xưng như vậy mà không đến nỗi thẹn thùng.

Mỗi độ Đản-sinh về, ta phải tâm tâm hồn trong ý nghĩa đại từ đại bi của ngày Phật - đản để tiến bộ thêm trên đường yêu thương. Có thể mọi Phật-tử chúng ta mới mong tỏa rạng, mới mong chuyển hóa được tình trạng đau khổ của mình và của nhân loại, mới mong tránh được cho ta và cho người những thảm họa ghê rợn và vô nghĩa lý.

Trong tập « Nguồn-Sáng » của P.T. Thuận-hóa

TRUYỀN BÁ PHẬT PHÁP LÀ VIỆC LÀM

CHÍNH CỦA TẤT CẢ PHẬT - TỬ

TIN TỨC

TRONG NƯỚC

Phái đoàn hoằng pháp

Hạ tuần tháng 6 Âm lịch vừa rồi, phái đoàn hoằng pháp tại Phật-học-viện Hải-dức Nha-trang đã lên đường đi giảng dạy Phật-pháp khắp các tỉnh hội Phật-giáo tại Trung phần.

Lễ phát phần thưởng tại Phật học đường Báo-quốc Huế

Lễ phát phần thưởng cho các học tăng ưu tú tại Phật học-đường Báo-quốc vào ngày 30-5-Âm-lịch đã cử hành một cách long trọng.

Hiện diện có Hòa-thượng Pháp-chủ, Hòa-thượng Vạn-Phước, Hòa-thượng Tây-Thiên, hai ban Trị-sự Giáo-hội Trung-phần và Thừa-Thiên, đại diện hội Việt-nam Phật học và quý Thầy-Trú trì các chùa trong Giáo-hội Thừa-Thiên cùng một số đông tín đồ. Bắt đầu là huấn từ của Thượng-Tọa Trị-sự Trưởng Giáo-hội Tăng già Trung phần, rồi tiếp diễn văn của đại diện Phật-học-đường. Kế đến đáp từ của đại diện học tăng, và tất cả học tăng đồng quỳ phát nguyện 4 lời nguyện, đại ý 4 lời nguyện ấy là : các học tăng nguyện cố gắng tu học, suốt đời phụng sự đúng chánh pháp để báo ân Tam-Bảo, lợi lạc hữu tình... Phát nguyện xong, các học Tăng lần lượt nhận các phần thưởng, phần

danh dự do Ngài Hòa - Thượng Pháp-chủ trao tặng.

Buổi lễ chấm dứt bằng một sự đồng thanh cầu nguyện cho tất cả học tăng được : nhiều thuận duyên trên đường tu học và sẽ trở thành những tu-sĩ ưu-tú tương lai, để góp phần trong việc chấn hưng Phật giáo nước nhà.

Quý Giảng sư của Tổng hội Việt-nam Phật giáo tại Trung-phần

Đại hội đồng lần thứ 25 vừa rồi tại chùa Từ-Đàm Huế, đã cung thỉnh 18 vị dưới đây là giảng-sư vinh-viến của Tổng hội và trực tiếp tham-gia các Phật-sự của toàn hội.

Giảng sư	Thích Đôn-Hậu
—	Thích Mật-Nguyên
—	Thích Trí-Thủ
—	Thích Mật-Hiến
—	Thích Thiện-Siêu
—	Thích Thiện-Minh
—	Thích Trí-Nghiêm
—	Thích Huyền-Quang
—	Thích Trí-Thành
—	Thích Tâm-Hoàn
—	Thích Minh-Châu
—	Thích Thiên-Ân
—	Thích Chơn-Trí
—	Thích Đức-Tâm
—	Thích Trí-Không
—	Thích Mãn-Giác
—	Thích Thiện-Giải
—	Thích Thiện-Châu

THẾ GIỚI

Lễ Phật đản thứ 2.500 đã cử hành ở Balé.

BALÉ.— Lễ Phật đản thứ 2.500 đã được cử hành hôm thứ hai ở Balé tại viện Guimet.

Một pho tượng Phật nhỏ được đặt ở giữa một cái bệ trên một án thờ nhỏ rãi đầy hoa. Bên trái, ba vị Hòa-thượng ngồi mình mặc áo tràng màu vàng. Bên phải là các vị sư thàh Thái-lan, Lào và vị đại diện của Cao-mên,

Một thiếu nữ Thái mặc áo dài đỏ, thanh nhã mà sang trọng dâng hoa và đánh lễ 3 lần. Tiếp theo đại đức Bhikkuv. Rahula đọc một bài diễn văn cảm ơn ban tổ chức đã làm cho tiếng nói của Phật được nghe ở Balé và ngài cầu cho lời nói của Phật sẽ lan tràn để đem lại hạnh phúc và hòa bình cho thế giới.

Sứ-giã hòa-bình

Ông Mishree Lal Jaiswal là một Phật-tử Ấn-độ hiện nay được 34 tuổi biết được 9 thứ tiếng, ông đi xe đạp vòng quanh thế-giới dùng giáo lý đức Phật Thích-Ca kêu gọi thế giới hòa bình bất bạo động, ông đi được 56 nước tính trên 40 vạn cây số, ông gốc xứ Chas tiểu bang Bihar Ấn-độ, bắt đầu đi ngày 4 tháng 4 năm 1952 hiện nay ông ở tại Đông-kinh, hành lý của ông chỉ một chiếc xe đạp, 11.000 đồng Rupi (tiền Ấn-độ) và một bức thông điệp kêu gọi hòa bình bằng

phương pháp bất bạo động theo đúng giáo-lý Từ-bi của Phật Thích-Ca. Ông đến Nhật-bản vừa trung tuần tháng 6, ông định đi thêm nữa, tháng giêng 1958 ông mới trở về Ấn-độ.

Ông cho biết các nước lớn nhỏ mà ông đã đến như : Gia-nã-Đại, Mỹ, Anh, Pháp, Nga-sô, Hi-lạp. v.v. tổng cộng 56 nước đều tiếp đãi ông nồng hậu, ông tiếp kiến các chánh khách có tên tuổi trên thế giới như : Thống-chế Tito Nam tư lập-phu, Cựu Thủ tướng Gia-nã-Đại ông Louis St Laurent, ông S. K. Romanovsky Tổng-trưởng bộ giáo-dục Nga và là Chủ-tịch Ủy-ban chống Phát-xít tại Liên-xô.v.v. và ông nhận được hơn 40 huy-chương, huy hiệu hay phù hiệu của các Thủ tướng các chánh-khách danh tiếng và các tổ-chức nhân dân trên thế giới trao tặng để khen thưởng sự cố gắng phụng sự hòa-bình của ông họ gọi ông là sứ giả hòa bình, và rất hoan nghinh bức Thông điệp bằng giáo lý đức Phật Thích Ca của ông. Ông còn cho biết có 24 thiếu nữ trên thế giới xin kết hôn với ông, nguyện cùng ông tiếp tục cuộc kêu gọi hòa-bình, nhưng ông đều từ chối.

(D.N. số 290)

NHẬT BẢN :— Một phái đoàn gồm có 9 Phật-tử Nhật-Bản dưới sự hướng dẫn của Giáo sư Makrio Nagae đã đến Tích-lan để dự lễ Buddha jayanti ở tại tháp Kalaviya.

THÔNG - CÁO

*Kính gửi liệt vị Đại Đức Tăng - Già,
Kính gửi toàn thể Tân Cựu Hội Hữu,*

Hội Việt-Nam Phật-Học của chúng ta thành lập năm 1937, do công đức của một số các vị Tăng-già và Cư-sĩ nhiệt thành vì chí nguyện chấn hưng Phật-Giáo. Trong 25 năm hoạt động, khắp nơi, bao nhiêu người đã hy sinh cho Hội. Nhờ vậy mà một mặt Hội đã giữ vững được tôn chỉ thuần túy qua tất cả mọi sự biến cố quan trọng trong 25 năm nay, một mặt khác, phát triển mạnh mẽ từ đô thị tràn về thôn xã trong toàn cõi Cao-nguyên và Trung-nguyên của miền Trung nước Việt. Số người hiểu biết Chánh-pháp và phục vụ Chánh-pháp, do Hội đào tạo ra, thật đã lên đến con số khó mà tổng kết được. Các vị Giảng Sư có thể đứng vào vai trò lãnh đạo đã không còn dưới con số 10. Những ngôi Chùa của Hội xây dựng đã có 14 sở to lớn cho 14 Tỉnh-Hội hiện thời, 4 sở cho 4 Tỉnh-Hội hiện đứt liên lạc, và 565 sở cho các Khuôn-Hội của 14 Tỉnh-Hội nói trên.

Nói tóm, cái chí nguyện của tiền nhân muốn liên hiệp Phật-giáo đồ lại trong Hội để PHỤC VỤ CHÁNH-PHÁP, chí nguyện ấy Hội đã đạt được một phần lớn. Kết quả đã đạt được đó là thanh toán gần xong sự mê tín sâu nặng và biến thái rất nhiều cạnh khía; là làm cho Chánh-pháp của Phật không còn nằm trong các chiếc tủ gỗ kính mà đã thâm nhập vào tư tưởng và đời sống của Phật-giáo-đồ là làm cho Phật-giáo-đồ đã ý thức và đã nỗ lực sống một nếp sống Phật-giáo; sau hết, là làm cho Phật-giáo-đồ đã có ý thức cố kết ý chí và năng lực mà phục vụ Chánh-pháp trong lúc này.

Tổng kết hoạt động của Hội như trên, chúng ta thấy đã đến cái lúc cần phải dùng danh hiệu chánh của tôn giáo chúng ta mà đặt tên cho Hội. Vì vậy, Tổng-hội-đồng toàn Hội lần thứ 25, thuộc niên khóa 1957 - 1958 này, gồm có liệt vị Chứng-Minh Đại-Đạo-Sư và Giảng-Sư của Tông-Hội, gồm có các vị Sáng-Lập Hội-Viên của Tông-Hội, gồm có Đại-Biểu đông đủ của 14 Tỉnh-Hội, đã biểu quyết và tuyên bố từ nay Hội chúng ta lấy danh hiệu là HỘI PHẬT-GIÁO. Danh hiệu này gọi cho đủ là «Hội Phật-Giáo Việt-Nam Tại Trung-Phần» và cấp cao gọi là TỔNG-HỘI PHẬT-GIÁO TRUNG-PHẦN.

Sự dùng danh hiệu chánh của tôn giáo chúng ta, danh hiệu Phật-Giáo, để mệnh danh cho Hội, là có 4 lý do sau đây:

1) Đề áp dụng ngay một danh hiệu chánh (tên tôn giáo chính) cho duy nhất với Tổng-Hội Phật-Giáo Việt-Nam (toàn quốc), hầu tránh khỏi sự hoang mang từ lâu vì danh từ này và danh từ khác.

2) Đề đánh dấu sự hoạt động sâu rộng hiện thời của Hội và phát triển mạnh mẽ sự hoạt động ấy ăn cứ vào danh hiệu Phật-Giáo rộng rãi, hầu xứng đáng với chí nguyện của tiền nhân đã sáng lập ra Hội chúng ta.

3) Đề chứng tỏ Hội chúng ta là một « Hội Phật-Giáo ». Sự việc này, trong khi pháp luật không ghi có một chế độ đặc biệt cho một « tôn giáo của dân tộc » đi nữa, Hội chúng ta cũng không phải chỉ là một hiệp hội như bao nhiêu hội khác.

4) Danh hiệu Phật-Giáo là danh hiệu chánh của tôn giáo chúng ta. Thế mà chúng ta cứ để danh hiệu ấy ngày càng bị bao nhiêu những kẻ ngoại đạo lấn lộn trong Phật-Giáo lợi dụng mà hoạt động theo đời làm cho danh hiệu Phật-Giáo tôn quý ngày càng bị hoen ố ; và không nhiều cũng ít, Hội chúng ta đã và sẽ bị hoen ố theo. Tình trạng này chúng ta phải nỗ lực chấm dứt, vì đối với đức Phật, trách nhiệm thật là ở chúng ta. Chúng ta phải nắm giữ lấy danh hiệu Phật-Giáo mà hoạt động cho đúng Chánh-pháp của Phật như lâu nay chúng ta đã hoạt động để giữ nguyên vẹn sự thuần túy của nó vốn đã có ngay từ khi đức Phật mới đặt ra.

Bởi 4 lý do trên, biên bản Tổng-hội-dồng có ghi rằng khi vị Chủ-tọa Tổng-hội-dồng tuyên bố : « Sau 5 năm hoạt động, từ nay Hội chúng ta lấy danh hiệu chánh của tôn giáo mình là HỘI PHẬT-GIÁO » thì toàn thể liệt vị Chứng-Minh, liệt vị Giảng Sư, quý vị Sáng-Lập, cùng toàn thể Đại-Biểu 14 Tỉnh-Hội đều nhất tề đứng dậy chấp tay, nghiêm tịnh cầu nguyện đến 3 phút. Sau đó, liệt vị Chứng-Minh và quý vị Sáng-Lập của Hội, ủy giao cho Tôi, lấy tư cách 1 vị Chứng-Minh Sáng-Lập, thông cáo cho toàn thể chư vị đại đức Tăng già và toàn thể tân cựu Hội-hữu được biết quyết định của Tổng-hội-dồng, đồng thời, yêu cầu Tôi đứng ra lãnh đạo toàn Hội bằng chức vị Hội-Trưởng Tổng Hội đề biểu ý chí nói trên.

Tôi thề theo chí nguyện của liệt vị Tiền nhân và chí nguyện của mình, không quản già cả yếu đuối, đã nhận lời và do sự chấp nhận của toàn thể Tổng-hội-dồng, tôi ăn hành bản thông cáo này đề cáo bạch với toàn thể liệt vị đại đức Tăng già, liệt vị Sáng-Lập, liệt vị Hội-viên cổ cựu, và hết thảy Hội-viên khắp cả miền Trung của Hội.

Nam-Mô Bồn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật tác đại chứng minh
NAY THÔNG CÁO

HÒA THƯỢNG THUYỀN TÔN

Chứng-Minh Sáng-Lập Đương-Kim Hội-Trưởng Tổng-Hội

PHẬT - GIÁO VIỆT - NAM

PHẬT LỊCH 2.501, Huế, ngày 1 tháng 6 dl. 1957

Hòa-thượng Giác-Nhiên (Thuyền-Tôn) HỘI-TRƯỞNG TÔNG-HỘI VIỆT-NAM PHẬT-HỌC, CHÙA TỪ-ĐÀM — HUẾ

Kính gửi : Tổng-Hội Phật-Giáo Việt-Nam,
Các Tập-Đoàn Phật-Giáo Việt-Nam,
Giáo-Hội Tăng-Già Trung-Phần,
Giáo-Hội Tăng-Già các Tỉnh,
Các cơ-quan Phật giáo.

Tổng hội-đồng lần thứ 24 (1956) và 25 (1957) của HỘI Phật-Học chúng tôi, đã quyết-định tu chỉnh Điều-lệ và « đổi danh hiệu Phật-Học ra danh hiệu Phật-Giáo ». Do nghị-định số 13/BNV/CT/P5 ngày 1-1-1957 Ông Bộ-Trưởng Nội-vụ, điều-lệ và danh hiệu ấy đã được duyệt y.

Sự tu chỉnh chánh yếu của Hội chúng tôi, được áp-dụng từ mồng một tháng sáu âm-lịch sắp đi, là 3 khoản sau đây :

- 1) Từ nay Hội chúng tôi gọi tắt là **HỘI PHẬT-GIÁO**.
- 2) Những ngôi chùa Hội-quán hay các Niệm-Phật-Đường trước đây đều gọi là **CHÙA PHẬT-GIÁO** Danh hiệu này không có nghĩa hủy bỏ danh hiệu cũ mà chỉ thay thế cho chữ « Hội-quán » trước đây.
- 3) Danh hiệu tắt của Hội chúng tôi, theo điều-lệ, được minh định như sau :

- Cấp Phần : Tổng-Hội Phật-Giáo Trung-Phần,
- Cấp Tỉnh : Tỉnh-Hội Phật-Giáo (tên Tỉnh)
- Cấp Quận : Chi-Hội Phật-Giáo (tên Quận)
- Cấp Xã : Khuôn Hội Phật-Giáo (tên Xã hay 1 tên được lựa chọn)

Nam - Mô Bồn - Sư Thích-Ca Mâu - Ni Phật. Hội chúng tôi từ ngày thành lập (năm 1932) đến nay, nhờ các Ngài mà đã thực hiện được nhiều thành tích tốt đẹp theo tôn chỉ « phục-vụ Chánh pháp ». Ngày nay vì mục-dịch tăng-cường tôn-chỉ ấy đề góp sức với các Ngài trong nguyện chung, nên có sự tu chỉnh trên.

Chúng tôi thành kính cáo bạch các Ngài, xin các Ngài chúng minh và hộ-niệm cho.

NAY KÍNH

Thừa lệnh Ngài Hội-Trưởng,
PHÒ HỘI - TRƯỞNG

THÍCH TRÍ - THỦ

HỢP THO

Tòa soạn chúng tôi có nhận được những bài: « Ngẫu nhiên và an bài », « Định mệnh và Nghiệp lực » của anh Ngọc - H. Kontum. « Ánh sáng Á - châu » của anh Nguyễn-hữu-H. — Đà-nẵng. « Đức Phật Thích-Ca » và « Em đến Gia - đình » của anh Ái - Lan - S. — Phú - Thạnh « Một tấm lòng Từ » của em Trần-văn-T. Bồ-Đề. « Em biết rồi anh ạ » của anh Anh-L. Quang-ngái. « Ba trang nhật ký » của anh Minh T. Huế. « Mùa cầu nguyện » của anh Nguyễn-dình-K. Huế. « Chiều về trong ánh đạo » « Chiếc áo màu lam » « Bên lề xã hội » « Luyện thương » của anh Công B. Tịnh-bình. « Tôi học Phật pháp » của anh Tuy - H Huế. « Công chúa Ly-cầu » của Bà T. Q. Huế. « Vui trong tình đạo » của cô Lê thị Th. - H. Đồng - Khánh Huế.

Chúng tôi thành thật cảm ơn sự hoan hỷ hợp tác của quý vị. Chúng tôi sẽ lần lượt chọn đăng bài của quý vị trong các số tới. Hy vọng quý vị tiếp tục sáng tác.

Rất mong !

LIÊN - HOA

LIÊN - HOA

V Ậ N T Ậ P

M Ụ C L Ụ C S ố 6

R Ầ M T H Ắ N G 6 Đ I N H - D Ậ U

HIỀU VÀ HÀNH CHÁNH PHÁP	THÍCH MINH-CHÂU
NHỮNG ĐIỀU KIỆN ...	THÍCH THIỆN-CHÂU
LY NƯỚC TRONG (Thơ)	BÌNH-THUẬN
TÂN DUY THỨC LUẬN	THÁI-HƯ ĐẠI SƯ
CÔNG CHÚA NHẬT-QUANG	QUẢNG-TIẾN
Ý NGHĨA VÀO ĐOÀN	ĐỨC-THƯƠNG
TỪ CÁI KHÓC CỦA ĐẠO SĨ A.TU-ĐÀ	P. T. Thuận-Hóa
NHỮNG CHIẾC ĐÈN PHIÊU LƯU (Thơ)	NGUỒN SÁNG
THỜI ĐẠI NÀY...	P. T. Thuận-Hóa
TIN TỨC	L. H.
THÔNG CÁO	T. T. S.
BỨC THƠ	T. T. S.
M Ụ C L Ụ C	

H Ọ A - S Ĩ P H Ạ M - Đ Ắ N G - T R Ị *Trình bày*